TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN SƠN DƯƠNG** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **28/**2025/HNGĐ-ST
Ngày 21/4/2025
V/v: "Ly hôn, giao nuôi con chung khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN DƯƠNG, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Tạ Hồng Chiến.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Văn Vượng và ông Hoàng Văn Hùng.

- *Thư ký phiên toà:* Ông Hoàng Thế Anh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 21/4/2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Sơn Dương mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 559/2024/TLST-HNGĐ, ngày 09/12/2024 về việc *"Tranh chấp hôn nhân và gia đình"*, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 10/3/2025; Quyết định hoãn phiên tòa số: 18/2025/QĐST-HNGĐ, ngày 21/3/2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị **Hoàng Thị My S**, sinh năm 1985. Địa chỉ: Thôn D, xã X, thị xã S, tỉnh Phú Yên. (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn*: Anh **Nguyễn Hoàng G**, sinh năm 1986. Địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện S, tỉnh Tuyên Quang (vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị My S và anh Nguyễn Hoàng G kết hôn với nhau vào năm 2015, trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục địa phương, có làm thủ tục đăng ký kết hôn vào ngày 20/7/2015 tại Ủy ban nhân dân xã X, thị xã S, tỉnh Phú Yên. Giấy chứng nhận kết hôn số 66/2015, ngày 20 tháng 7 năm 2015 tại Ủy ban nhân dân xã X, thị xã S, tỉnh Phú Yên.

Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống và làm ăn tại thành phố . Quá trình chung sống vợ chồng thời gian đầu có hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng hiện đang sống ly thân. Xác định tình cảm vợ chồng không còn, tháng 12 năm 2024 chị Hoàng Thị My S có đơn khởi kiện đề nghị Toà án nhân dân huyện Sơn Dương giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Hoàng G.

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Hoàng Thị My S trình bày: Quan điểm thể hiện nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, anh G cờ bạc, cá độ, nợ nần. Dẫn đến vợ chồng thường xuyên to tiếng cãi nhau, không tìm được tiếng nói chung, tình cảm vợ chồng rạn nứt. Đến đầu năm 2019 mâu thuẫn quá căng thẳng nên chị và anh Nguyễn Trường G1 đã quyết định sống ly thân, anh G1 mang theo con về thôn T, xã H, huyện S, tỉnh Tuyên Quang để sinh sống. Trong suốt thời gian ly thân chị và anh G1 đã nhiều lần nói chuyện để hàn gắn, hai bên gia đình động viên, khuyên bảo nhưng không có kết quả. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được đề nghị Toà án nhân dân huyên Sơn Dương giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Trường G1.

Tại đơn đề nghị của bị đơn anh Nguyễn Hoàng G trình bày: Quan điểm thể hiện anh đồng ý ly hôn với chị Hoàng Thị My S. Do anh đang đi làm ăn xa nên đề nghị Toà án nhân dân huyên Sơn Dương giải quyết theo quy định pháp luật.

- Về con chung: Chị Hoàng Thị My S và anh Nguyễn Hoàng G có 01 người con chung là Nguyễn Hoàng N, sinh ngày 16/8/2015. Quá trình giải quyết chị S và anh G cùng có quan điểm giao cháu Nguyễn Hoàng N cho anh Nguyễn Hoàng G là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị S tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu N với số tiền hàng tháng là 1.000.000 đồng (một triệu đồng)/tháng cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi.

Lời khai của cháu Nguyễn Hoàng N có trong hồ sơ thể hiện nguyện vọng của cháu được ở cùng bố khi bố mẹ ly hôn.

- Về tài sản, vay nợ chung: Chị Hoàng Thị My S và anh Nguyễn Hoàng N không có, không đề nghị Toà án giải quyết.

Kết quả xác minh thể hiện: Chị Hoàng Thị My S; địa chỉ: Thôn D, xã X, thị xã S, tỉnh Phú Yên và anh Nguyễn Hoàng G có hộ khẩu thường trú tại thôn T, xã H, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Chị S và anh G kết hôn với nhau vào năm 2015, có đăng ký kết hôn tại UBND xã X, thị xã S, tỉnh Phú Yên. Sau khi kết hôn anh chị sinh sống tại thôn tại thành phố Hồ Chí Minh. Quá trình chung sống vợ chồng thời gian đầu có hạnh phúc sau phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm. Khi mâu thuẫn xảy ra thì anh G và cháu N chuyển về sinh sống tại thôn T, xã H, huyện S còn chị S vẫn sinh sống ở trong miền nam. Vợ chồng hiện đang sống ly thân.

Anh Nguyễn Hoàng G làm lao động tự do và đang đi làm ăn xa, không có mặt tại địa phương. Toà án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh G không đến Toà án làm việc. Do vậy Toà án nhân dân huyện Sơn Dương chỉ tổ chức phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ với nguyên đơn và không tiến hành phiên hoà giải được.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn khi tham gia tố tụng đều đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; riêng đối với bị đơn anh Nguyễn Hoàng G không chấp hành nghiêm quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung vụ án: Chị Hoàng Thị My S và anh Nguyễn Hoàng G kết hôn vào năm 2015 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã X, thị xã S, tỉnh Phú Yên là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng thời gian đầu có hạnh phúc, sau phát sinh mâu thuẫn, hiện vợ chồng đang sống ly thân. Do vậy, căn cứ vào Điều 357 Bộ luật Dân sự; Điều 56, 81, 82, 83, 107, 110, 116 và Điều 117 của Luật Hôn nhân và gia đình. Đề nghị HĐXX xử cho chị Hoàng Thị M Sa được ly hôn với anh Nguyễn Hoàng G; giao cháu Nguyễn Hoàng N, sinh ngày 16/8/2015 cho anh Nguyễn Hoàng G là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục, chị S phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh G với số tiền cấp dưỡng là 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi; về tài sản, đất đai, vay nợ chung: Chị Hoàng Thị My S xác định không có, không đề nghị giải quyết nên không đề cập xử lý.

Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị HĐXX giải quyết về án phí và tuyên quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định.

[1]. Về tố tụng và quan hệ pháp luật: Theo đơn khởi kiện chị Hoàng Thị M Sa đề nghị Toà án nhân dân huyện Sơn Dương giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Hoàng G (Hộ khẩu thường trú tại thôn T, xã H, huyện S, tỉnh Tuyên Quang) và giao nuôi con chung khi ly hôn; tài sản chung, vay nợ chung đều xác định không có, không đề nghị Toà án giải quyết. Do vậy, quan hệ pháp luật ở đây được xác định là *"Ly hôn, giao nuôi con chung khi ly hôn"*, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Sau khi Toà án thụ lý, Toà án đã triệu tập anh Nguyễn Hoàng G nhiều lần nhưng anh G không đến làm việc, đây được xác định thuộc trường hợp bị đơn cố tình trốn tránh nghĩa vụ. Tại phiên toà, nguyên đơn chị Hoàng Thị My S có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh Nguyễn Hoàng G vắng mặt không có lý do. Do vậy, Toà án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị My S và anh Nguyễn Hoàng G kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã X, thị xã S, tỉnh Phú Yên vào ngày 20/7/2015 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống hạnh phúc thời gian đầu, sau phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng hiện đang sống ly thân. Tháng 12/2024 chị Hoàng Thị My S có đơn khởi kiện đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Hoàng G. Anh Nguyễn Hoàng G có quan điểm nhất trí ly hôn với chị Hoàng Thị My S.

Như vậy, cuộc sống hôn nhân của chị Hoàng Thị My S và anh Nguyễn Hoàng G có hạnh phúc thời gian đầu sau phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng hiện đang sống ly thân nên xác định hôn nhân của chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình có cơ sở chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn. Xử cho chị Hoàng Thị M Sa được ly hôn với anh Nguyễn Hoàng G.

2.2. Về con chung: Chị Hoàng Thị My S và anh Nguyễn Hoàng G có 01 con chung là Nguyễn Hoàng N, sinh ngày 16/8/2015.

Xét thấy, cháu Nguyễn Hoàng N là con chung của chị Hoàng Thị My S và anh Nguyễn Hoàng G nên anh chị đều cùng phải có nghĩa vụ và trách nhiệm đối với cháu. Quá trình giải quyết chị Hoàng Thị My S và và anh Nguyễn Hoàng G cùng có quan điểm giao cháu Nguyễn Hoàng N cho anh Nguyễn Hoàng G trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Chị S tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu N cùng anh G với số tiền là 1.000.000 đồng (một triệu đồng)/tháng cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi. Lời khai của cháu Nguyễn Hoàng N có trong hồ sơ thể hiện cháu N có nguyện vọng ở với bố khi bố mẹ ly hôn.

Để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chung và đảm bảo quyền lợi của các đương sự sau khi ly hôn. Xét nguyện vọng của con chung, quan điểm của các đương sự là tự nguyện và không trái pháp luật, không bị ép buộc nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Căn cứ Điều 81, 82, 83, 107, 110, 116 và Điều 117 của Luật Hôn nhân và gia đình giao cháu Nguyễn Hoàng N, sinh ngày 16/8/2015 cho anh Nguyễn Hoàng G trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Chị

Hoàng Thị My S có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung với số tiền là 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 5 năm 2025. Chị S có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Khoản tiền phải cấp dưỡng kể từ ngày anh G có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị S chậm thi hành án thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành cho đến khi thi hành xong, lãi suất được tính theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2.3. Về tài sản chung: Chị Hoàng Thị My S xác định không có, không đề nghị Toà án giải quyết nên không xem xét.

2.4. Về vay nợ chung: Chị Hoàng Thị My S xác định không có, không đề nghị Toà án giải quyết nên không xem xét.

[3]. Về án phí: Chị Hoàng Thị My S phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng và án phí cấp dưỡng 300.000 đồng, tổng cộng 600.000 đồng (sáu trăm nghìn đồng). được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo quy định pháp luật.

[4]. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 357 Bộ luật Dân sự; các Điều 56, 81, 82, 83, 107, 110, 116 và Điều 117 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Hoàng Thị M Sa được ly hôn với anh Nguyễn Hoàng G.

(Giấy chứng nhận kết hôn số 66/2015, ngày 20 tháng 7 năm 2015 tại Ủy ban nhân dân xã X, thị xã S, tỉnh Phú Yên).

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Hoàng N, sinh ngày 16/8/2015 cho anh Nguyễn Hoàng G trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục.

Chị Hoàng Thị My S có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Hoàng N cùng với anh Nguyễn Hoàng G với số tiền là 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi. Thời hạn cấp dưỡng kể từ tháng 5 năm 2025. Phương thức cấp dưỡng được thực hiện định kỳ hàng tháng.

Chị Hoàng Thị My S có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Khoản tiền phải cấp dưỡng, kể từ ngày anh Nguyễn Hoàng G có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, nếu chị Hoàng Thị My S chậm thi hành án thì còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Chị Hoàng Thị My S phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng và án phí cấp dưỡng 300.000 đồng, tổng cộng 600.000 đồng (sáu trăm nghìn đồng). Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí lệ phí Toà án số: 0001634 ngày 09/12/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Chị Hoàng Thị My S còn phải nộp thêm số tiền là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận
- TAND tỉnh TQ;
- VKSND huyện SD;
- T.H.A dân sự huyện SD;
- UBND xã X, thị xã S, tỉnh P (nơi ĐKKH);
- UBND xã H, huyện SD;
- Các đương sự;
- Lưu.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Tạ Hồng Chiến